



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 13.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 4.12

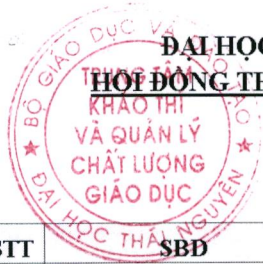
STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52519850200000001	VU LINH CHI	女	2007-09-23	036307000666	LE 4.12	
2	H52519850200000002	PHAM THI DOAN TRANG	女	2007-01-21	036307011033	LE 4.12	
3	H52519850200000003	TRAN MINH ANH	女	2008-01-13	036308007992	LE 4.12	
4	H52519850200000004	NGUYEN THI THAO	女	2008-01-25	036308013392	LE 4.12	
5	H52519850200000005	PHAM TRAN THIEN KIM	女	2008-07-06	036308066926	LE 4.12	
6	H52519850200000006	BUI THI NGOC LAN	女	2002-06-24	037302001839	LE 4.12	
7	H52519850200000007	VU HA ANH	女	2008-09-10	037308000284	LE 4.12	
8	H52519850200000008	TRAN BAO NGOC	女	2008-08-20	037308009405	LE 4.12	
9	H52519850200000009	NGUYEN VAN HOANG ANH	男	2008-05-06	038208011413	LE 4.12	
10	H52519850200000010	LE THI NHUNG	女	2002-11-27	038302000502	LE 4.12	
11	H52519850200000011	NGUYEN THI HUONG	女	2003-08-06	038303011475	LE 4.12	
12	H52519850200000012	DINH THI HOANG YEN	女	2005-06-26	038305003479	LE 4.12	
13	H52519850200000013	DO HUYEN THANH	女	2006-03-28	038306005214	LE 4.12	
14	H52519850200000014	VU THANH TRA	女	2008-11-13	038308019449	LE 4.12	
15	H52519850200000015	LE THI PHUONG	女	2009-03-25	038309019300	LE 4.12	
16	H52519850200000016	NGUYEN THI YEN	女	1999-07-26	040199016622	LE 4.12	
17	H52519850200000017	PHAN THI GIANG	女	2001-10-09	040301006501	LE 4.12	
18	H52519850200000018	NGUYEN THI HUONG	女	2002-04-17	040302007968	LE 4.12	
19	H52519850200000019	NGUYEN NGOC TU	女	2001-09-16	040302011849	LE 4.12	
20	H52519850200000020	NGUYEN THI PHUONG THAO	女	2003-06-28	040303000320	LE 4.12	
21	H52519850200000021	TRAN THI LY	女	2003-08-02	040303008250	LE 4.12	
22	H52519850200000022	NGUYEN HA LINH	女	2008-04-03	040308003801	LE 4.12	
23	H52519850200000023	NGUYEN THUY TRAM	女	2008-03-06	040308008305	LE 4.12	
24	H52519850200000024	NGUYEN KHANH CHI	女	2008-01-21	040308010404	LE 4.12	
25	H52519850200000025	DOAN KHANH LINH	女	2008-06-09	040308016987	LE 4.12	
26	H52519850200000026	NGUYEN THI CHAU MAI	女	2008-12-02	040308018215	LE 4.12	
27	H52519850200000027	LE THI MY DUYEN	女	1999-10-01	042199008357	LE 4.12	
28	H52519850200000028	NGUYEN THI NGOC ANH	女	2003-08-30	042303005267	LE 4.12	
29	H52519850200000029	TRAN THI TRA MY	女	2008-02-25	042308005506	LE 4.12	
30	H52519850200000030	PHAM HA LE	女	2008-02-25	042308007297	LE 4.12	
31	H52519850200000031	HA THI HUONG GIANG	女	2000-11-01	044300001693	LE 4.12	
32	H52519850200000032	NGUYEN VO THANH HANG	女	2004-05-22	051304000374	LE 4.12	
33	H52519850200000033	LE NGOC HIEP	女	2005-12-06	068305008435	LE 4.12	
34	H52519850200000034	LUU NHA LINH	女	2003-11-03	082303003381	LE 4.12	
35	H52519850200000035	LE THI VEN	女	1986-09-09	083186010170	LE 4.12	
36	H52519850200000036	LY THI CHUNG	女	1987-03-02	e04767289	LE 4.12	
37	H52519850200000037	SOUVATHDY KHUNTHALY	女	2007-09-13	PA0504273	LE 4.12	
38	H52519850200000038	NGUYEN THAO NGOC	女	2008-04-30	024308011258	LE 4.12	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 13.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 4.14

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52519850200000039	NGUYEN KIM CHI	女	2008-01-29	024308009229	LE 4.14	
2	H52519850200000040	LE PHAN BAO TRAM	女	2008-12-01	024308009383	LE 4.14	
3	H52519850200000041	NGUYEN THI THANH HUYEN	女	2008-03-19	024308010551	LE 4.14	
4	H52519850200000042	NGUYEN NGOC ANH	女	1995-09-02	025195012478	LE 4.14	
5	H52519850200000043	DONG QUYNH CHI	女	2008-07-08	025308003827	LE 4.14	
6	H52519850200000044	NGUYEN THI MINH CHAU	女	1997-11-05	026197004707	LE 4.14	
7	H52519850200000045	NGUYEN PHUONG QUYNH	女	1999-10-19	026199002018	LE 4.14	
8	H52519850200000046	NGUYEN THI THU HIEN	女	2000-09-12	026300000242	LE 4.14	
9	H52519850200000047	NGUYEN THI QUYNH TRANG	女	2003-09-18	026303002425	LE 4.14	
10	H52519850200000048	TRAN ANH DAO	女	2008-10-01	026308001177	LE 4.14	
11	H52519850200000049	NGUYEN MINH ANH	女	2008-09-03	026308009713	LE 4.14	
12	H52519850200000050	NGUYEN DAO BAO VI	女	2008-02-04	026308009804	LE 4.14	
13	H52519850200000051	DAM QUYNH ANH	女	2008-10-08	026308011169	LE 4.14	
14	H52519850200000052	NGUYEN THI THU HANG	女	1994-07-14	027194008211	LE 4.14	
15	H52519850200000053	PHAM QUANG PHAT	男	2001-02-11	027201008429	LE 4.14	
16	H52519850200000054	TRAN NGOC TRI DUNG	男	2008-05-13	027208007500	LE 4.14	
17	H52519850200000055	VU THI HANH	女	2001-06-12	027301006496	LE 4.14	
18	H52519850200000056	TRAN THI HUYEN	女	2001-03-30	027301006872	LE 4.14	
19	H52519850200000057	NGUYEN THI THUY LINH	女	2003-03-18	027303001396	LE 4.14	
20	H52519850200000058	VU THUY TRANG	女	2007-10-27	027307005390	LE 4.14	
21	H52519850200000059	TRAN THI CAM CHI	女	2008-07-14	027308000043	LE 4.14	
22	H52519850200000060	HOANG THI THANH NGA	女	2008-08-30	027308001331	LE 4.14	
23	H52519850200000061	NGO QUYNH CHI	女	2008-07-04	027308001632	LE 4.14	
24	H52519850200000062	HUYNH BAO LINH	女	2008-07-01	027308003463	LE 4.14	
25	H52519850200000063	LINH MINH CHI	女	2008-02-19	027308006956	LE 4.14	
26	H52519850200000064	NGO HA MY	女	2008-02-19	027308006994	LE 4.14	
27	H52519850200000065	NGUYEN THI PHUONG THAO	女	2008-03-31	027308010226	LE 4.14	
28	H52519850200000066	NGUYEN DO THAO UYEN	女	2009-11-30	027309002495	LE 4.14	
29	H52519850200000067	NGUYEN THI HONG ANH	女	2009-10-31	027309010912	LE 4.14	
30	H52519850200000068	NGO PHUONG HOA	女	2001-09-05	030301009150	LE 4.14	
31	H52519850200000069	DO HA THUY	女	2003-08-08	030303004244	LE 4.14	
32	H52519850200000070	NGUYEN PHUONG ANH	女	2004-08-15	030304010470	LE 4.14	
33	H52519850200000071	HOANG THI LAN ANH	女	2008-03-18	030308011712	LE 4.14	
34	H52519850200000072	THAN THI NGOC KHANH	女	2008-07-14	030308014114	LE 4.14	
35	H52519850200000073	DAM THI THANH HOA	女	2008-01-11	030308016389	LE 4.14	
36	H52519850200000074	NGUYEN THI HOAN	女	1985-09-19	031185002209	LE 4.14	
37	H52519850200000075	PHAM THI PHUONG THAO	女	1988-04-26	031188015094	LE 4.14	
38	H52519850200000076	NGUYEN THI THANH HUYEN	女	1991-02-15	031191022231	LE 4.14	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 13.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.17

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52519850200000077	NGUYEN THI THAO	女	2005-05-05	020305007792	LE 5.17	
2	H52519850200000078	LA HONG LUYEN	女	2006-02-04	020306006466	LE 5.17	
3	H52519850200000079	TRAN CHI HAN	女	2008-10-15	020308003244	LE 5.17	
4	H52519850200000080	VU HOANG PHUONG NGA	女	2008-07-28	020308005893	LE 5.17	
5	H52519850200000081	DAO XUAN LOC	男	2004-03-11	022204006377	LE 5.17	
6	H52519850200000082	NGUYEN THI HUONG	女	2000-10-13	022300006657	LE 5.17	
7	H52519850200000083	DANG THI THUY TRANG	女	2001-11-08	022301001471	LE 5.17	
8	H52519850200000084	TRINH THI THU THAO	女	2002-09-11	022302006606	LE 5.17	
9	H52519850200000085	NGUYEN THU TRANG	女	2004-04-18	022304002050	LE 5.17	
10	H52519850200000086	BUI THI THANH VAN	女	2005-06-24	022305005976	LE 5.17	
11	H52519850200000087	PHAM THUY TRANG	女	2006-09-18	022306003274	LE 5.17	
12	H52519850200000088	BUI KHANH LINH	女	2006-12-08	022306005292	LE 5.17	
13	H52519850200000089	NGUYEN THI THUY	女	2006-06-24	022306006537	LE 5.17	
14	H52519850200000090	TRINH THAO VAN	女	2008-05-27	022308000839	LE 5.17	
15	H52519850200000091	BUI DO THANH TAM	女	2008-12-29	022308010788	LE 5.17	
16	H52519850200000092	TRAN VAN LONG	男	2002-09-25	024202002545	LE 5.17	
17	H52519850200000093	LE TUAN THANH	男	2004-11-02	024204001429	LE 5.17	
18	H52519850200000094	NGUYEN MANH HUY	男	2005-09-29	024205005037	LE 5.17	
19	H52519850200000095	NGUYEN DUC HAI	男	2007-06-29	024207003942	LE 5.17	
20	H52519850200000096	NGO THI MINH NGUYET	女	2000-04-17	024300000090	LE 5.17	
21	H52519850200000097	NGUYEN THU TRANG	女	2001-05-01	024301001214	LE 5.17	
22	H52519850200000098	PHAM THI NHUNG	女	2002-07-29	024302003289	LE 5.17	
23	H52519850200000099	LE THU HIEN	女	2002-12-12	024302012346	LE 5.17	
24	H52519850200000100	NGUYEN THI THUY DUONG	女	2003-10-19	024303001536	LE 5.17	
25	H52519850200000101	LE HUYEN NGOC	女	2004-09-06	024304000746	LE 5.17	
26	H52519850200000102	NGUYEN THI DIU	女	2004-11-30	024304002100	LE 5.17	
27	H52519850200000103	DINH THI MAI UYEN	女	2004-03-18	024304002377	LE 5.17	
28	H52519850200000104	LAM BICH PHUONG	女	2004-10-29	024304003580	LE 5.17	
29	H52519850200000105	DUONG HOAI THUONG	女	2005-07-01	024305000130	LE 5.17	
30	H52519850200000106	BUI THI HUONG LY	女	2005-10-05	024305006187	LE 5.17	
31	H52519850200000107	NGUYEN THUY DUONG	女	2007-04-07	024307003295	LE 5.17	
32	H52519850200000108	THAN THI KIEU ANH	女	2008-08-18	024308000163	LE 5.17	
33	H52519850200000109	DOAN GIA LINH	女	2008-08-04	024308000327	LE 5.17	
34	H52519850200000110	DUONG THI QUYNH TRANG	女	2008-08-25	024308003436	LE 5.17	
35	H52519850200000111	DAO MINH THU	女	2008-06-28	024308005899	LE 5.17	
36	H52519850200000112	LE HOANG PHUONG MAI	女	2008-10-22	024308006109	LE 5.17	
37	H52519850200000113	NGUYEN THI THANH HANG	女	2008-03-25	024308006585	LE 5.17	
38	H52519850200000114	TRAN THI THU PHUONG	女	2008-08-05	024308007750	LE 5.17	
39	H52519850200000115	NGO THI KIM OANH	女	2008-12-18	024308009090	LE 5.17	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 13.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.18

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52519850200000116	DO PHUONG MAI	女	2009-01-12	001309003061	LE 5.18	
2	H52519850200000117	TAO THI THUY DUNG	女	2005-01-16	002305000349	LE 5.18	
3	H52519850200000118	DO THAO MY	女	2008-10-31	002308003671	LE 5.18	
4	H52519850200000119	HA MINH ANH	女	1999-09-17	004199000907	LE 5.18	
5	H52519850200000120	MONG THI TAM	女	2001-08-15	004301005972	LE 5.18	
6	H52519850200000121	TRIEU THI HUONG TRA	女	2005-02-06	006305000128	LE 5.18	
7	H52519850200000122	CHUNG LY LAN	女	1998-05-06	008198008469	LE 5.18	
8	H52519850200000123	MA HA TUYEN	女	2001-12-19	008301005223	LE 5.18	
9	H52519850200000124	LE PHU TUAN	男	1990-01-01	010090001369	LE 5.18	
10	H52519850200000125	LE HAI YEN	女	2008-06-25	011308003905	LE 5.18	
11	H52519850200000126	HOANG THI NGOC TUYET	女	2003-08-16	01479544	LE 5.18	
12	H52519850200000127	NGUYEN THI HANG NGA	女	2000-07-10	015300002571	LE 5.18	
13	H52519850200000128	NGUYEN THI QUYEN	女	2001-12-05	015301007004	LE 5.18	
14	H52519850200000129	BUI HA THUY	女	2002-04-25	015302006023	LE 5.18	
15	H52519850200000130	PHAM MY ANH	女	2003-09-19	015303003343	LE 5.18	
16	H52519850200000131	BAN THUY HANG	女	2004-09-22	015304002210	LE 5.18	
17	H52519850200000132	NGUYEN THI THANH TRA	女	2008-06-07	015308005458	LE 5.18	
18	H52519850200000133	LE NGUYEN KHOI	女	2008-07-31	017308000302	LE 5.18	
19	H52519850200000134	MA DINH CU	男	1997-01-08	019097010128	LE 5.18	
20	H52519850200000135	NGUYEN THI THANH HUYEN	女	1988-05-27	019188005389	LE 5.18	
21	H52519850200000136	DO THI THANH	女	1995-02-15	019195003406	LE 5.18	
22	H52519850200000137	NGUYEN HAI YEN	女	2001-11-05	019301000222	LE 5.18	
23	H52519850200000138	DINH THI THU HUONG	女	2001-03-31	019301005678	LE 5.18	
24	H52519850200000139	HOANG KIM NGAN	女	2001-11-09	019301006034	LE 5.18	
25	H52519850200000140	NGO THI BICH HAO	女	2001-08-31	019301009745	LE 5.18	
26	H52519850200000141	DUONG THI DIEU LINH	女	2002-11-20	019302002929	LE 5.18	
27	H52519850200000142	LA THI TRA	女	2002-12-10	019302006491	LE 5.18	
28	H52519850200000143	DUONG THI NGOC HIEU	女	2002-02-23	019302009298	LE 5.18	
29	H52519850200000144	KHUC THUY TIEN	女	2006-09-01	019306007620	LE 5.18	
30	H52519850200000145	NONG THI VAN DUNG	女	2007-08-19	019307007976	LE 5.18	
31	H52519850200000146	VU HOANG MAI	女	2008-09-11	019308000471	LE 5.18	
32	H52519850200000147	HUA THAO HOA	女	2008-06-11	019308002769	LE 5.18	
33	H52519850200000148	NGUYEN HIEN GIANG	女	2008-06-18	019308003191	LE 5.18	
34	H52519850200000149	PHAM TRINH ANH THU	女	2008-10-10	019308007535	LE 5.18	
35	H52519850200000150	MA MINH DUC	男	2008-08-04	020208003018	LE 5.18	
36	H52519850200000151	HOANG CHI CONG	男	2008-05-24	020208005570	LE 5.18	
37	H52519850200000152	HOANG THI THANH HA	女	2000-11-06	020300000085	LE 5.18	
38	H52519850200000153	HA THU HIEN	女	2002-10-03	020302002614	LE 5.18	
39	H52519850200000154	NGUYEN PHUONG LINH	女	2003-05-29	020303000789	LE 5.18	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 13.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.21

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52519850200000155	TRAN KIM NGAN	女	1991-05-22	001191022217	LE 5.21	
2	H52519850200000156	LAI THI LIEN	女	1996-10-02	001196024629	LE 5.21	
3	H52519850200000157	LE THU TRANG	女	1999-12-29	00119934319	LE 5.21	
4	H52519850200000158	NGUYEN DUY THANH	男	2002-10-05	001202037990	LE 5.21	
5	H52519850200000159	HOANG NGO ANH	男	2003-06-20	001203002387	LE 5.21	
6	H52519850200000160	DUONG DUC HUY	男	2008-10-30	001208010026	LE 5.21	
7	H52519850200000161	DANG THI HONG NHUNG	女	2000-03-04	001300011045	LE 5.21	
8	H52519850200000162	LUONG THI CAM VAN	女	2001-07-13	001301021930	LE 5.21	
9	H52519850200000163	CHU AN KHANH	女	2002-05-17	001302000906	LE 5.21	
10	H52519850200000164	DO DUONG TU UYEN	女	2003-01-02	0013030017778	LE 5.21	
11	H52519850200000165	NGUYEN THI THAO	女	2003-01-18	001303009469	LE 5.21	
12	H52519850200000166	LUONG THI PHUONG THAO	女	2003-08-03	001303018865	LE 5.21	
13	H52519850200000167	LE THANH NGA	女	2003-08-26	001303021287	LE 5.21	
14	H52519850200000168	TRAN KHANH NHI	女	2004-02-05	001304002450	LE 5.21	
15	H52519850200000169	NGUYEN THI THUY DUONG	女	2004-06-18	001304013340	LE 5.21	
16	H52519850200000170	TRUONG KHANH LY	女	2004-07-19	001304015089	LE 5.21	
17	H52519850200000171	DO NGOC DIEU	女	2004-10-27	001304019378	LE 5.21	
18	H52519850200000172	PHAM THI QUYNH ANH	女	2006-10-16	001306006336	LE 5.21	
19	H52519850200000173	NGUYEN NGOC MINH ANH	女	2006-06-28	001306024731	LE 5.21	
20	H52519850200000174	TRUONG MAI LINH	女	2006-03-02	001306033117	LE 5.21	
21	H52519850200000175	NGUYEN NGOC LINH	女	2006-06-19	001306036231	LE 5.21	
22	H52519850200000176	NGUYEN NGOC LINH	女	2007-04-10	001307017298	LE 5.21	
23	H52519850200000177	NGUYEN HUONG GIANG	女	2007-08-21	001307017551	LE 5.21	
24	H52519850200000178	TA THI HUYEN TRANG	女	2007-06-22	001307028782	LE 5.21	
25	H52519850200000179	NGUYEN THU TRA	女	2007-02-27	001307048684	LE 5.21	
26	H52519850200000180	DAO YEN NHI	女	2008-02-29	001308017740	LE 5.21	
27	H52519850200000181	NGUYEN YEN NHI	女	2008-06-25	001308020377	LE 5.21	
28	H52519850200000182	HOANG THI MAI DAO	女	2008-03-11	001308020429	LE 5.21	
29	H52519850200000183	NGUYEN KHANH VAN	女	2008-09-02	001308031159	LE 5.21	
30	H52519850200000184	NGUYEN THI NHU QUYNH	女	2008-10-28	001308031817	LE 5.21	
31	H52519850200000185	TRAN NGOC HA AN	女	2008-08-19	001308032035	LE 5.21	
32	H52519850200000186	NGUYEN BAO NGOC	女	2008-10-28	001308036832	LE 5.21	
33	H52519850200000187	VU NGOC KHANH CHI	女	2008-08-14	001308039024	LE 5.21	
34	H52519850200000188	PHAM HA LINH	女	2008-03-26	001308046055	LE 5.21	
35	H52519850200000189	NGUYEN THUY DUONG	女	2008-12-06	001308047235	LE 5.21	
36	H52519850200000190	BUI THI KIEU TRANG	女	2008-01-16	001308052719	LE 5.21	
37	H52519850200000191	NGUYEN THUY DUONG	女	2008-10-27	001308053713	LE 5.21	
38	H52519850200000192	PHAM VI ANH	女	2008-11-06	001308057211	LE 5.21	
39	H52519850200000193	NGUYEN HA LINH	女	2008-09-28	001308057324	LE 5.21	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 13.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - IE 4.13

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52519850200000194	TRAN THI HONG	女	1992-12-24	031192013198	IE 4.13	
2	H52519850200000195	TA THI THANH THUY	女	1996-06-17	031196000782	IE 4.13	
3	H52519850200000196	VU THI THOM	女	1996-10-06	031196014084	IE 4.13	
4	H52519850200000197	VU THI NGUYET ANH	女	1999-10-29	031199000444	IE 4.13	
5	H52519850200000198	BUI PHUONG LINH	女	1999-01-18	031199001267	IE 4.13	
6	H52519850200000199	NGUYEN DUC THANH	男	2003-12-18	031203005618	IE 4.13	
7	H52519850200000200	VU HA TRANG	女	2006-04-21	031306003024	IE 4.13	
8	H52519850200000201	NGUYEN THI THUY HUONG	女	2006-07-06	031306006794	IE 4.13	
9	H52519850200000202	VU THI THANH NHA	女	2007-10-23	031307011567	IE 4.13	
10	H52519850200000203	NGUYEN NHAT YEN VY	女	2008-07-18	031308011511	IE 4.13	
11	H52519850200000204	NGUYEN THI QUYNH ANH	女	2008-04-02	031308016906	IE 4.13	
12	H52519850200000205	TRINH THI THU TRANG	女	2005-10-27	033305005160	IE 4.13	
13	H52519850200000206	NGUYEN THI MINH HANG	女	2008-09-30	033308006248	IE 4.13	
14	H52519850200000207	TRAN DAN PHUC	女	1994-04-06	034194002488	IE 4.13	
15	H52519850200000208	DAO THI THOAN	女	1996-08-29	034196013552	IE 4.13	
16	H52519850200000209	TA THI THU HUYEN	女	1998-10-10	034198004370	IE 4.13	
17	H52519850200000210	LE THI HA	女	1998-01-18	034198005786	IE 4.13	
18	H52519850200000211	NGUYEN THI HONG HANH	女	1999-09-26	034199004332	IE 4.13	
19	H52519850200000212	TRAN THI HUNG	女	2001-09-02	034301001546	IE 4.13	
20	H52519850200000213	PHAM THI THI	女	2003-06-05	034303012794	IE 4.13	
21	H52519850200000214	PHAM THU HUONG	女	2007-12-02	034307003938	IE 4.13	
22	H52519850200000215	NGUYEN KHANH NGOC	女	2007-09-29	034307016039	IE 4.13	
23	H52519850200000216	DO MINH CHAU	女	2008-04-25	034308000770	IE 4.13	
24	H52519850200000217	NGUYEN THANH BINH	女	2008-09-26	034308002978	IE 4.13	
25	H52519850200000218	DU CANH HA	女	2008-11-02	034308011246	IE 4.13	
26	H52519850200000219	NGUYEN THI NGOC LINH	女	2008-11-23	034308011634	IE 4.13	
27	H52519850200000220	PHAM HOAI ANH	女	2008-11-03	034308014522	IE 4.13	
28	H52519850200000221	PHAN HAI ANH	女	2006-10-28	035306000755	IE 4.13	
29	H52519850200000222	DO THI HONG NHAT	女	1985-09-24	036185013644	IE 4.13	
30	H52519850200000223	NGUYEN THI TUYET THANH	女	1990-07-16	036190012845	IE 4.13	
31	H52519850200000224	BUI TUE MINH	男	2004-02-17	036204011087	IE 4.13	
32	H52519850200000225	BUI THI HUYEN TRANG	女	2001-06-15	036301012512	IE 4.13	
33	H52519850200000226	NGUYEN THI KHANH HUYEN	女	2002-10-03	036302001676	IE 4.13	
34	H52519850200000227	LE DUONG GIANG	女	2002-08-23	036302004302	IE 4.13	
35	H52519850200000228	DO PHUONG LINH	女	2006-05-08	036306003638	IE 4.13	
36	H52519850200000229	DANG THUY NGA	女	2002-05-22	066302011257	IE 4.13	
37	H52519850200000230	PHAM QUYNH TRANG	女	2006-05-20	036306015428	IE 4.13	
38	H52519850200000231	TRAN DANG PHUONG LINH	女	2006-08-05	036306018802	IE 4.13	